

**YÊU CẦU BÁO GIÁ CHÀO HÀNG
CẠNH TRANH THEO QUY TRÌNH RÚT GỌN GIỮA CÁC
NHÀ THẦU ĐÃ KÝ HỢP ĐỒNG KHUNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 100/QĐ-CNPĐ ngày 20/01/2025 của Giám đốc
Chi nhánh Phát điện Dầu khí)*

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT (trên Hệ thống):

GT2025-SCĐK19:

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Mua sắm vật tư tiêu hao phục vụ BSDC thường xuyên tháng 7 Tổ máy 1&2 (Đợt 2) – NMNĐ Thái Bình 2

Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

(Nguồn vốn sử dụng cho gói thầu là nguồn vốn sản xuất kinh doanh và việc tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu này được thực hiện theo Quy định mua sắm hàng hóa, dịch vụ của Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam được phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định số 900/QĐ-CNPĐ ngày 30/5/2024 và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có) của Giám đốc Chi nhánh Phát điện Dầu khí (viết tắt là QĐMS) và được đăng tải tại địa chỉ <https://muasam.pvpgb.vn>)



MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Chương I. Yêu cầu nộp Bản báo giá

Chương II. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương III. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương IV. Dự thảo phụ lục hợp đồng



TỪ NGỮ VIẾT TẮT

E-TBMT	Thông báo mời thầu
VND	đồng Việt Nam
QĐMS	Quy định mua sắm hàng hóa và dịch vụ của Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam được phê duyệt và ban hành tại Quyết định số 900/QĐ-CNPĐ ngày 30/05/2024 của Giám đốc Chi nhánh Phát điện Dầu khí và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có) và được đăng tải tại địa chỉ https://muasam.pvpgb.vn
PVN	Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ http://muasamcong.mpi.gov.vn
YCBG	Yêu cầu báo giá
BBG	Bản báo giá



MÔ TẢ TÓM TẮT

Chương I. Yêu cầu nộp Bản báo giá

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị Bản báo giá. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh rút gọn qua mạng.

Chương II. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Bên mời thầu và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của Yêu cầu báo giá và Bản báo giá.

Chương III. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này nêu các yêu cầu về kỹ thuật được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Bên mời thầu chuẩn bị và gửi qua email/fax.

Chương IV. Dự thảo phụ lục hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.



Chương I. YÊU CẦU NỘI BẢN BÁO GIÁ

Mục 1. Giá dự thầu và biểu giá

1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong BBG, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Bản báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

Lưu ý: Dự toán gói thầu được phê duyệt với mức thuế GTGT là 10% nên đề nghị các nhà thầu tham dự thầu gói thầu này khi chào thầu áp dụng mức thuế suất GTGT là 10% cho tất cả các hàng hóa và dịch vụ làm cơ sở thống nhất đánh giá, lựa chọn nhà thầu (cùng mặt bằng đánh giá), thương thảo ký kết hợp đồng. Trường hợp nhà thầu chào giá dự thầu với thuế GTGT khác 10% thì Bên mời thầu sẽ xác định giá dự thầu quy về cùng một mặt bằng với thuế GTGT là 10% để tiến hành đánh giá về giá.

Mục 3. Thành phần Bản báo giá

Bản báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Bảng chào giá (Theo Mẫu số 01. Hồ sơ chào giá của mỗi lô hàng cụ thể);

Mục 4. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Đáp ứng yêu cầu về tính hợp lệ của BBG;
2. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Chương III;
3. Có đơn giá hạng mục hàng hóa chào thấp nhất giữa các bản chào giá của các nhà thầu tham gia chào giá và tổng giá chào của cả lô không vượt giá tổng giá trị của lô đó đã được phê duyệt sẽ được mời đến thương thảo hợp đồng.

Mục 5. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

Bên mời thầu đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên e-office và Website của Chi nhánh Phát điện Dầu khí theo báo cáo đánh giá các Bản báo giá trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

Mục 6. Hành vi bị cấm

1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.
2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động lựa chọn nhà thầu dưới mọi hình thức.
3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:



a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị BBG hoặc rút BBG để một bên trúng thầu;

b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;

c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của YCBG nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời thầu yêu cầu làm rõ BBG hoặc khi được yêu cầu thương thảo phụ lục hợp đồng nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.

4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:

a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong lựa chọn nhà thầu;

b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong BBG nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:

a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Cản trở người có thẩm quyền, bên mời thầu, tổ chuyên gia, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;

c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu;

d) Có tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động lựa chọn nhà thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng

6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm bên mời thầu, tổ chuyên gia hoặc thực hiện nhiệm vụ của bên mời thầu, tổ chuyên gia không đúng quy định của QĐMS;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định YCBG đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá BBG đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Cá nhân thuộc bên mời thầu, tổ chuyên gia trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình (có cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột của mình, của vợ/chồng mình) đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;



đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định YCBG; đánh giá BBG; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu do Chi nhánh tổ chức lựa chọn nhà thầu là nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại Chi nhánh;

g) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;

h) Áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu không phải là hình thức đấu thầu rộng rãi khi không đủ điều kiện theo quy định của QĐMS;

i) Chia nhỏ dự toán mua sắm thành các gói thầu nhằm mục đích chỉ định thầu; chia dự toán mua sắm nhằm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu.

7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 6, điểm c khoản 8 Điều 87, khoản 10 Điều 88, khoản 4 Điều 89, khoản 2 Điều 90 của QĐMS và điểm b khoản 4 Điều 93 của Luật Đấu thầu 2023, bao gồm:

a) Nội dung YCBG trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung BBG; nội dung yêu cầu làm rõ BBG của bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá BBG; báo cáo của TCG, báo cáo thẩm định; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng BBG trước khi được công khai theo quy định;

c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;

d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đã nêu trong hợp đồng;

b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong BBG mà không được người có thẩm quyền chấp thuận;

c) Người có thẩm quyền chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;

d) Người có thẩm quyền chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.

Mục 8. Hủy thầu



1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:

a) Tất cả BBG không đáp ứng được các yêu cầu của YCBG;

b) Khi không còn nhu cầu sử dụng dịch vụ hoặc khi thay đổi tính chất, phạm vi sử dụng đối với gói thầu dịch vụ; hoặc khi thay đổi đặc tính/thông số kỹ thuật của hàng hóa do đặc tính/thông số kỹ thuật trong YCBG không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật;

c) Nội dung YCBG không tuân thủ quy định của QĐMS dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;

d) Tất cả các nhà thầu tham dự thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 107 của QĐMS;

đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 107 của QĐMS dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;

e) Hủy thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 33a của QĐMS.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm QĐMS dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 Mục 8 CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của QĐMS.

3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Mục 8 CDNT.

Mục 9. Giải quyết kiến nghị

Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89, 90 và 91 của Luật Đấu thầu 2023.

Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị bằng văn bản theo địa chỉ sau: Đại diện Ông: Mai Văn Long; Chức vụ: Giám đốc Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Địa chỉ: Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; Điện thoại: 02273.721.515; Fax: 02273.721.678.

Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam; Địa chỉ: Tầng 18, Tòa nhà Petrovietnam, số 18 Láng Hạ, quận Ba Đình, TP. Hà Nội; Điện thoại/Fax: 024 3364 7799; Email: vanthuhn@pvpqb.vn.



Chương II. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Bên mời thầu	Nhà thầu
I	Biểu mẫu cho gói thầu mua sắm hàng hóa	Gửi qua email/fax		
1	Mẫu số 01. Hồ sơ chào giá của mỗi lô hàng cụ thể			X
2	Mẫu số 02. Phụ lục bổ sung hợp đồng		X	
3	Mẫu số 03. Phiếu yêu cầu cấp hàng hóa		X	
4	Mẫu số 04. Thư yêu cầu chào giá/Yêu cầu báo giá		X	



STT <i>(1)</i>	Danh mục hàng hóa <i>(2)</i>	Thông số kỹ thuật <i>(3)</i>	Đơn vị tính <i>(4)</i>	Khối lượng <i>(5)</i>	Xuất xứ <i>(6)</i>	Đơn giá chưa bao gồm thuế (VNĐ) <i>(7)</i>	Thành tiền (chưa bao gồm thuế, phí) <i>(8)=(5) X (7)</i>
1							
2							
3							
Tổng giá trị chưa bao gồm thuế, phí, lệ phí							
Thuế 10%							
Tổng giá trị đã bao gồm thuế, phí, lệ phí							
<i>Bằng chữ:</i>							



3. Các điều kiện khác:

- Hiệu lực báo giá: từ ngày....../..... đến ngày/.....
- Các điều kiện khác có liên quan sẽ áp dụng theo Hợp đồng khung số ngày được ký giữa Chi nhánh Phát điện Dầu khí và Công ty

Đại diện hợp pháp của Bên B

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)



Mẫu số 03: PHIẾU YÊU CẦU CẤP HÀNG HÓA

CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /PYCCC-TM

Thái Bình, ngày ____ tháng ____ năm ____

PHIẾU YÊU CẦU CẤP HÀNG HÓA (THÔNG BÁO CẤP HÀNG HÓA)

Kính gửi: Công ty

- Căn cứ Hợp đồng khung cung cấp hàng hóa cho NMNĐ Thái Bình 2 năm số.....ngày được ký giữa Chi nhánh Phát điện Dầu khí và Công ty.....;
- Căn cứ Phụ lục bổ sung Hợp đồng số ... về việc cung cấp hàng hóa cho NMNĐ Thái Bình 2.
- Căn cứ Hồ sơ chào giá sốngày.....của Công ty....., NMNĐ Thái Bình 2 đề nghị quý Công ty cung cấp hàng hoá với nội dung như sau
 - + Số lượng hàng hóa:
 - + Thời gian giao hàng: từ ngày .../.../..... đến ngày .../.../.....
 - + Địa điểm giao hàng: Tại kho Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2.

Đề nghị Quý Công ty xác nhận và thông báo lại cho NMNĐ Thái Bình 2 sau khi nhận được Phiếu yêu cầu cấp hàng hóa/Thông báo cấp hàng hóa này.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

ĐẠI DIỆN BÊN A

- Như trên;
- NMNĐ.... (để th/hiện);
- Lưu: VT,

*** Xác nhận của đơn vị cấp hàng hóa**

Đã nhận lúc.....giờ..... ngày...../...../.....

Công ty..... cam kết sẽ cấp

hàng hóa đúng nội dung Phiếu yêu cầu cấp hàng hóa/Thông báo cấp hàng hóa

(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Mẫu số 04: THƯ YÊU CẦU CHÀO GIÁ/YÊU CẦU BÁO GIÁ

CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /NMĐTB2-TM

Thái Bình, ngày tháng năm 2025

Vv Mời chào giá gói thầu “GT2025-
SCĐK19: Mua sắm vật tư tiêu hao phục vụ
BSDC thường xuyên tháng 5&6 Tổ máy 1&2
– NMNĐ Thái Bình 2 (đợt 1)”

Kính gửi: Liên danh nhà thầu NPS-VINP

Căn cứ Hợp đồng khung cung cấp hàng hóa cho NMNĐ Thái Bình 2 số 75/HĐ/2025/PVPGb.NMĐTB2-NPS&VINP/HH ngày 14/4/2025 được ký giữa Chi nhánh Phát điện Dầu khí và liên danh nhà thầu NPS-VINP.

Hiện nay Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 có nhu cầu Mua sắm vật tư tiêu hao phục vụ BSDC thường xuyên tháng 7 Tổ máy 1&2 (Đợt 2) – NMNĐ Thái Bình 2, Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đề nghị Liên danh nhà thầu NPS-VINP xác nhận khả năng cung cấp và gửi chào giá theo nội dung như sau:

- Chung loại, khối lượng: hàng hóa với các thông số kỹ thuật và khối lượng chi tiết như yêu cầu báo giá đính kèm.
- Thời gian cấp hàng: là 90 ngày kể từ ngày ký phụ lục bổ sung hợp đồng.
- Địa điểm giao hàng: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.
- Thời gian và địa điểm nộp chào giá: giờ phút ngày/ /2025 tại Nhà máy Nhiệt Điện Thái Bình 2, xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
- Thời gian và địa điểm mở chào giá: giờ phút ngày/ /2025.
- Hình thức chào giá: Được quy định tại Điều 6. Trình tự thực hiện trong hợp đồng khung.
- Số Fax: 02273.721.678 (Bản chính sẽ gửi qua đường công văn theo địa chỉ: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình).
- Mẫu bảng chào giá: Theo Mẫu quy định tại Hợp đồng khung.



Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CNPD (để b/c);
- PGĐ (e-copy);
- Lưu: VT, TCG (H.V.Đ).

Đính kèm:

- Yêu cầu báo giá.

**GIÁM ĐỐC
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH 2**

Mai Văn Long

Mỹ Lộc - Thái Thụy - Thái Bình
Điện thoại: 02273.721.515; Fax: 02273.721.678



Mẫu số 04: THƯ YÊU CẦU CHÀO GIÁ/YÊU CẦU BÁO GIÁ

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /NMĐTB2-TM

Thái Bình, ngày tháng năm 2025

Vv Mời chào giá gói thầu “GT2025-
SCĐK19: Mua sắm vật tư tiêu hao phục vụ
BSDC thường xuyên tháng 5&6 Tổ máy 1&2
– NMNĐ Thái Bình 2 (đợt 1)”

Kính gửi: Công ty TNHH S.T.D&S

Căn cứ Hợp đồng khung cung cấp hàng hóa cho NMNĐ Thái Bình 2 số 76/HĐ/2025/PVPGb.NMĐTB2-STD&S/HH ngày 14/4/2025 được ký giữa Chi nhánh Phát điện Dầu khí và Công ty TNHH S.T.D&S.

Hiện nay Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 có nhu cầu Mua sắm vật tư tiêu hao phục vụ BSDC thường xuyên tháng 7 Tổ máy 1&2 (Đợt 2) – NMNĐ Thái Bình 2, Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đề nghị Công ty TNHH S.T.D&S xác nhận khả năng cung cấp và gửi chào giá theo nội dung như sau:

- **Chủng loại, khối lượng:** hàng hóa với các thông số kỹ thuật và khối lượng chi tiết như yêu cầu báo giá đính kèm.
- **Thời gian cấp hàng:** là 90 ngày kể từ ngày ký phụ lục bổ sung hợp đồng.
- **Địa điểm giao hàng:** tại kho Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.
- **Thời gian và địa điểm nộp chào giá:** giờ phút ngày/ /2025 tại Nhà máy Nhiệt Điện Thái Bình 2, xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
- **Thời gian và địa điểm mở chào giá:** giờ phút ngày/ /2025 tại Nhà máy Nhiệt Điện Thái Bình 2, xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
- **Hình thức chào giá:** Được quy định tại Điều 6. Trình tự thực hiện trong hợp đồng khung.



- Số Fax: 02273.721.678 (Bản chính sẽ gửi qua đường công văn theo địa chỉ: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình).
- Mẫu bảng chào giá: Theo Mẫu quy định tại Hợp đồng khung.
Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CNPD (để b/c);
- PGĐ (e-copy);
- Lưu: VT, TCG (P.X.D).

Đính kèm:

- Yêu cầu báo giá.

**GIÁM ĐỐC
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH 2**

Mai Văn Long

Mỹ Lộc - Thái Thụy - Thái Bình
Điện thoại: 02273.721.515; Fax: 02273.721.678



Chương III. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Tên gói thầu: “GT2025-SCĐK19: Mua sắm vật tư tiêu hao phục vụ BSDC thường xuyên tháng 7 Tổ máy 1&2 (Đợt 2) – NMNĐ Thái Bình 2”.
- Nguồn vốn: Sử dụng nguồn vốn sản xuất kinh doanh năm 2025 của NMNĐ Thái Bình 2;
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II/2025.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày kể từ ngày ký phụ lục bổ sung hợp đồng.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Phạm vi cung cấp

Nhà thầu cung cấp đầy đủ khối lượng hàng hóa, theo đúng chủng loại và theo các thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật như PL1: Phạm vi công việc gói thầu GT2025-SCĐK-19 mua sắm vật tư tiêu hao phục vụ BDSC thường xuyên tháng 7 tổ máy 1&2 (Đợt 2) – NMNĐ Thái Bình 2 đính kèm.

Ghi chú (*): Nhà sản xuất nêu trong bảng trên là của các vật tư/thiết bị hiện hữu của Nhà máy để nhà thầu tham khảo.

1.2.2. Yêu cầu chung về kỹ thuật

a. Yêu cầu chung

Thiết bị cung cấp cho dự án phải mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau, chưa qua sử dụng, có đầy đủ nhãn mác, mã hiệu, tem bảo hành (hoặc các hình thức khác có giá trị tương đương).

b. Yêu cầu về tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hoá

BBG được đánh giá là đạt về tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hoá khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đối với các hạng mục hàng hóa số: 84, 87, 93: Nhà thầu cung cấp các tài liệu kỹ thuật (catalogue, datasheet,...) của Nhà sản xuất trong BBG để chứng minh chất lượng của hàng hóa, các thông số kỹ thuật phù hợp hoặc tốt hơn so với yêu cầu của YCBG để chứng minh tính hợp lệ của hàng hoá. Nhà thầu phải có chỉ dẫn cụ thể trong tài liệu cho từng hạng mục hàng hóa, đánh dấu model vào các thông số kỹ thuật hàng hóa trong tài liệu. Tài liệu kỹ thuật hàng hóa có thể là tiếng Việt hoặc



tiếng Anh. Nếu sử dụng ngôn ngữ khác thì các tài liệu nêu trên phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng dịch thuật.

- Tài liệu phải thể hiện được đầy đủ các thông số kỹ thuật, khối lượng tại Khoản 1.2.1 của Chương này theo yêu cầu của YCBG và phải phù hợp với xuất xứ hàng hóa chào thầu.

c. Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa

- Nhà thầu phải nêu đầy đủ tên hãng sản xuất và xuất xứ của hàng hóa chào thầu theo yêu cầu tại mẫu số 01. Hồ sơ chào giá của mỗi lô hàng cụ thể của YCBG. Mỗi hàng hóa tương ứng với 1 nhà sản xuất.

d. Tiến độ cung cấp hàng hóa

- Yêu cầu về tiến độ cung cấp hàng hóa: Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ phạm vi công việc tại mục 1.2.1 theo yêu cầu của Bên mời thầu trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký phụ lục bổ sung hợp đồng. Nhà thầu phải thông báo kế hoạch giao hàng cho Bên A tối thiểu 03 ngày trước ngày chính thức giao hàng.

e. Yêu cầu về kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa và bảo hành

- Theo quy định tại Khoản 10 của Hợp đồng khung.

f. Xếp dỡ hàng hóa

- Hàng hóa sẽ được Nhà thầu cung cấp tại Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2; xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Việc xếp dỡ hàng hóa phải tuân theo các quy định về an toàn. Nhà thầu có trách nhiệm chuẩn bị các thiết bị, dụng cụ chuyên dụng phục vụ quá trình xếp dỡ từ phương tiện vận chuyển vào vị trí tiếp nhận.

- Nhà thầu bằng chi phí của mình, có trách nhiệm ứng phó, xử lý trong trường hợp xảy ra sự cố trong quá trình giao nhận.

g. Thuế VAT

- Đề nghị các Nhà thầu tham dự gói thầu khi chào giá áp dụng mức thuế suất GTGT là 10% cho tất cả các hàng hóa làm sơ sở thống nhất đánh giá, lựa chọn nhà thầu (cùng mặt bằng), thương thảo ký kết hợp đồng. Thuế VAT là tạm tính, trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được điều chỉnh theo quy định của Chính phủ tại thời điểm nghiệm thu bàn giao hàng hóa.



Chương IV: Dự thảo phụ lục bổ sung hợp đồng

Mẫu số 02. PHỤ LỤC BỔ SUNG HỢP ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do- Hạnh phúc

PHỤ LỤC BỔ SUNG SỐ...

Của Hợp đồng khung số ...

Về việc:

Căn cứ Quyết định số 2647/QĐ-DKVN ngày 21/4/2023 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thành lập Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 900/QĐ-CNPĐ ngày 30/5/2024 của Chi nhánh Phát điện Dầu khí về việc phê duyệt và ban hành “Quy định mua sắm hàng hóa và dịch vụ của Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam”;

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-CNPĐ ngày 20/01/2025 của Chi nhánh Phát điện Dầu khí về việc phê duyệt sửa đổi, bổ sung một số điều và ban hành các biểu mẫu hồ sơ thầu của Quy định mua sắm hàng hóa và dịch vụ của Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-CNPĐ ngày 28/02/2025 của Chi nhánh Phát điện Dầu khí về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2;

Căn cứ Quyết định số 683/QĐ-CNPĐ ngày 25/4/2025 của Chi nhánh Phát điện Dầu khí về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể mua sắm hàng hóa và dịch vụ năm 2025 của Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-CNPĐ ngày 31/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt và ban hành “Quy định tổ chức quản lý thực hiện Hợp đồng của Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam”;

Căn cứ Quyết định số 2216/QĐ-NMĐTB2 ngày 25/12/2024 của Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 về việc kiện toàn Tổ chuyên gia các gói thầu mua sắm hàng hóa của Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2;

Căn cứ Quyết định số 2214/QĐ-NMĐTB2 ngày 25/12/2024 của Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 về việc kiện toàn Tổ thẩm định các gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ của Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2;



Căn cứ công văn số 2431/CV-CNPĐ-KTKH-KTATMT ngày 30/12/2024 của Chi nhánh Phát điện Dầu khí về việc thực hiện lựa chọn nhà thầu và tổ chức quản lý thực hiện hợp đồng của một số hạng mục/gói thầu thuộc kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, định kỳ năm 2025 của NMNĐ Thái Bình 2;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-NMĐTB2 ngày 15/01/2025 của Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 về việc phê duyệt đơn hàng “SCĐK2025-19, SCĐK2025-34, SCĐK2025-36: thuộc kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, định kỳ năm 2025 của NMNĐ Thái Bình 2”.

Căn cứ Quyết định số 145/QĐ-CNPĐ ngày 06/2/2025 của Giám đốc NMNĐ Thái Bình 2 về việc phê duyệt Kế hoạch mua sắm gói thầu “Sơ tuyển lựa chọn danh sách ngắn nhà thầu để ký Hợp đồng khung cho gói thầu: SCĐK2025-19: Mua sắm vật tư tiêu hao và vật liệu phụ phục vụ công tác BDSC định kỳ và BDSC thường xuyên năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 179/QĐ-CNPĐ ngày 12/02/2025 của Giám đốc NMNĐ Thái Bình 2 về việc phê duyệt E-HSMST gói thầu “Sơ tuyển lựa chọn danh sách ngắn nhà thầu để ký Hợp đồng khung cho gói thầu: SCĐK2

025-19: Mua sắm vật tư tiêu hao và vật liệu phụ phục vụ công tác BDSC định kỳ và BDSC thường xuyên năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 273/QĐ-CNPĐ ngày 27/02/2025 của Giám đốc NMNĐ Thái Bình 2 về việc phê duyệt sửa đổi E-HSMST gói thầu “Sơ tuyển lựa chọn danh sách ngắn nhà thầu để ký Hợp đồng khung cho gói thầu: SCĐK2025-19: Mua sắm vật tư tiêu hao và vật liệu phụ phục vụ công tác BDSC định kỳ và BDSC thường xuyên năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 570/QĐ-NMĐTB2 của Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 ngày 09/4/2025 về việc phê duyệt kết quả sơ tuyển gói thầu “Sơ tuyển lựa chọn danh sách ngắn nhà thầu để ký Hợp đồng khung cho

gói thầu: SCĐK2025-19: Mua sắm vật tư tiêu hao và vật liệu phụ phục vụ công tác BDSC định kỳ và BDSC thường xuyên năm 2025”;

Căn cứ hợp đồng số 75/HĐ/2025/PVPGB.NMĐTB2-NPS&VINP/HH ngày 14/4/2025 giữa Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam với liên danh nhà thầu NPS-VINP;

Căn cứ hợp đồng số 76/HĐ/2025/PVPGB.NMĐTB2-STD&S/HH ngày 14/4/2025 giữa Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam với Công ty TNHH S.T.D&S;

Căn cứ công văn số 772/CNPĐ-KTKH-KTATMT-TM ngày 08/5/2025 của Chi nhánh Phát điện Dầu khí về việc gói thầu GT2025-SCĐK-03, GT2025-SCĐK-19;

Căn cứ Quyết định số 1010/QĐ-NMĐTB2 ngày 05/6/2025 của Giám đốc NMNĐ Thái Bình 2 về việc phê duyệt đơn hàng GT2025-SCĐK19 “Mua sắm vật tư tiêu hao phục vụ BDSC thường xuyên tháng 7 Tổ máy 1&2 (Đợt 2) – NMNĐ Thái Bình 2”;

Căn cứ Quyết định số 1254/QĐ-NMĐTB2 ngày 24/6/2025 của Giám đốc NMNĐ Thái Bình 2 về việc phê duyệt KHMS gói thầu “GT2025-SCĐK19: Mua sắm vật tư tiêu hao phục vụ BDSC thường xuyên tháng 7 Tổ máy 1&2 (Đợt 2) – NMNĐ Thái Bình 2”;



Căn cứ Quyết định số 1254/QĐ-NMĐTB2 ngày 24/6/2025 của Giám đốc NMNĐ Thái Bình 2 về việc phê duyệt KQLCNT gói thầu “GT2025-SCĐK19: Mua sắm vật tư tiêu hao phục vụ BDSC thường xuyên tháng 7 Tổ máy 1&2 (Đợt 2) – NMNĐ Thái Bình 2”;

Căn cứ biên bản thương thảo số /BB-TCG ngày /2025 giữa NMNĐ Thái Bình 2 và công ty về việc thương thảo phụ lục hợp đồng số 02 của hợp đồng số/HĐ/2025/PVPG.B.NMĐTB2-...../HH ngày 14/4/2025 giữa Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam với Công ty

Hôm nay, ngày .../.../, chúng tôi đại diện cho các bên ký kết Phụ lục Hợp đồng, gồm có:

Bên mua (Bên A): Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam

- Đại diện : Ông **Mai Văn Long**
- Chức vụ : Giám đốc Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2
- (Theo phân cấp/ủy quyền tại công văn số 2431/CV-CNPĐ-KTKH-KTATMT ngày 30/12/2024)*
- Địa chỉ Đại diện : Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
- Điện thoại : 02273.721.515 Fax: 02273.721.678
- Số Tài khoản : 4502205555 Loại tiền tệ VNĐ
- Tại : Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Đông
- Thông tin xuất hóa đơn: Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam
- Địa chỉ xuất hóa đơn: Tòa nhà Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam, Số 18 phố Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, TP Hà Nội
- Mã số thuế : 0100681592-036

- Bên bán (Bên B):

- Đại diện:
- Chức vụ:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Tài khoản:
- Mã số thuế:

Sau khi thoả thuận, hai Bên thống nhất ký kết Phụ lục hợp đồng số... của Hợp đồng khung sốvới các điều khoản như sau:

Điều 1. Khối lượng hàng hóa



Bên B đồng ý giao và Bên A đồng ý nhận vật tư tiêu hao phục vụ BDSC thường xuyên tháng 7 Tổ máy 1&2 (Đợt 2) với khối lượng và thông số kỹ thuật quy định tại Bảng phạm vi công việc và biểu giá phụ lục bổ sung hợp đồng đính kèm dưới đây.

Thời gian giao hàng: là 90 ngày kể từ ngày/ /2025 đến ngày/ /2025.

Điều 2. Giá trị hàng hóa

Giá trị hàng hóa: **đồng** (đã bao gồm các loại thuế, phí liên quan đến việc thực hiện hợp đồng của Bên B).

Đơn giá nêu trên được cố định trong suốt thời gian thực hiện Phụ lục hợp đồng (PLHD).

Điều 5. Thanh toán

Theo quy định tại Điều 9 [Điều kiện thanh toán] của Hợp đồng khung số ..., trong đó quy định rõ thời hạn thanh toán là trong thời gian 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được 03 bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Phương thức thanh toán: Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị hóa đơn lô hàng cho Bên B theo hình thức chuyển khoản bằng Đồng Việt Nam.

Điều 6. Các quy định khác

Phụ lục này là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng khung số....

Các điều khoản khác quy định trong Hợp đồng khung không đề cập trong Phụ lục này vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Phụ lục này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 01 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

